

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HS-PT

Ngày: 09/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2020/HS-PT ngày 02/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị L, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2020/HSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị L, tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 22/02/1971, tại xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Trung T, xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Công M (đã chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1948; chồng: Nguyễn Công Q, sinh năm 1966; con: 03 đứa (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: bị cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ A tạm giữ từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị. Đậu Thị Thanh D, sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh. Nguyễn Tiến Đ, sinh năm: 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: thôn Đông V, xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, nên vợ chồng chị Đậu Thị Thanh D và anh Nguyễn Tiến Đ (trú tại thôn Đông V, xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) đã nhiều lần đến gặp Nguyễn Thị L để vay tiền, trong đó Nguyễn Thị L đã 02 lần cho chị D và anh Đ vay tiền với mức lãi suất mỗi lần vay cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS, thụ lợi bất chính số tiền là **280.269.000đ**, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 03/3/2018 âm lịch (tức ngày 18/4/2018 dương lịch) đến ngày 03/12/2018 âm lịch (tức ngày 08/01/2019 dương lịch), L cho vợ chồng chị D, anh Đ vay số tiền là 290.000.000đ, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm. Chị D đã thanh toán hết tiền gốc đồng thời trả tiền lãi cho L số tiền 234.900.000đ. Số tiền L thu lợi bất chính trong khoản vay này là **191.995.000đ**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 09/4/2018 âm lịch (tức ngày 23/5/2018 dương lịch) đến ngày 09/12/2018 âm lịch (tức ngày 14/01/2019 dương lịch), L cho chị D vay số tiền 150.000.000đ, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với lãi suất 108%/năm. Chị D đã thanh toán hết tiền gốc đồng thời trả tiền lãi cho L số tiền 108.000.000đ. Số tiền L thu lợi bất chính trong khoản vay này là **88.274.000đ**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo L 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019). Xử phạt bổ sung bị cáo L số tiền 30.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L phải trả cho chị Đậu Thị Thanh D và anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 191.995.000đ. Trả lại cho chị Đậu Thị Thanh D số tiền 88.274.000đ.

Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ án phí HSST và 14.013.000đ án phí DSST.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 25/5/2020, bị cáo Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 20/QĐ-VKS-P7 ngày 17/6/2020, đề nghị TAND tỉnh Hà Tĩnh sửa bản án sơ thẩm theo hướng: về biện pháp tư pháp: bị cáo Nguyễn Thị L trả lại cho chị Đậu Thị Thanh D và anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 191.995.000đ, trả lại cho chị Đậu

Thị Thanh D số tiền 88.274.000đ; về án phí: bị cáo L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi tóm tắt nội D vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo, bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS, xử chấp nhận kháng nghị của Viện KSND tỉnh, sửa bản án sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Về nội D:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Do hám lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2018 đến ngày 23/5/2018, Nguyễn Thị L đã 02 lần cho vợ chồng chị Đậu Thị Thanh D vay tiền với mức lãi suất mỗi lần vay 108%/năm (cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS) để thu lợi bất chính số tiền **280.269.000đ**, trong đó: lần thứ nhất, Nguyễn Thị L cho vợ chồng chị Đậu Thị Thanh D, anh Nguyễn Tiến Đ vay 290.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 191.995.000đ; lần thứ hai, Nguyễn Thị L cho chị Đậu Thị Thanh D vay 150.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 88.274.000đ.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị L về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cũng như số tiền bị cáo thu lợi bất chính. Theo hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền này bị cáo phải trả lại cho chị D và anh Đ. Việc bản án sơ thẩm xác định số tiền này buộc bị cáo phải trả lại và chịu án phí DSST là đúng quy định. Vì bị cáo trong vụ án này không thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các biện pháp tư pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, người có nghĩa vụ thực hiện đều phải chịu án phí. Đối với bị cáo trong vụ án này phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 điều 26 nghị quyết 326 của Quốc Hội. Do đó, kháng nghị của Viện KSND tỉnh cho rằng bị cáo phải trả lại cho chị Đậu Thị Thanh D, anh Nguyễn Tiến Đ

khoản tiền vượt quá mức lãi suất 20%/năm là biện pháp tư pháp và không phải chịu án phí là không có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 48 BLHS (là biện pháp tư pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS) nhưng xác định là trách nhiệm dân sự là không đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện KSND tỉnh.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an trên địa bàn, vì vậy cần phải có mức án nghiêm, đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đã xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, chồng bị cáo là người có công với cách mạng được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huy chương, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng TNHS là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có trình bày do gia đình hoàn cảnh khó khăn, nhận thức về pháp luật của bản thân còn hạn chế do nghỉ học sớm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019). Xử phạt bổ sung bị cáo L số tiền 30.000.000đ.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 BLHS.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại cho chị Đậu Thị Thanh D và anh Nguyễn Tiến Đ 191.995.000đ, trả lại cho chị Đậu Thị Thanh D 88.274.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo L còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận và 14.013.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam